TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27/01/2026
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Nguyệt;

2. Bà Triệu Thị Liên.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lò Là Cáo – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vi Mạnh Th, sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn 05, xã H, tỉnh Tuyên Quang; *có mặt*.

2. Bị đơn: Chị Lý Thị Tr, sinh năm: 1998, địa chỉ: Thôn 05, xã H, tỉnh Tuyên Quang; *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2025, bản tự khai ngày 02/12/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Vi Mạnh Th trình bày:*

Anh Vi Mạnh Th và chị Lý Thị Tr tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được bố mẹ hai bên đồng ý chấp nhận cho lấy nhau, vợ chồng anh Th, chị Tr đăng ký kết hôn ngày 27/05/2021 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang cũ *(Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang)*. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, tuy nhiên trong quá trình chung sống chị Tr có những hành vi lừa dối về mặt tình cảm, không giữ đúng nghĩa vụ và sự trung thực trong quan hệ vợ chồng, nhắn tin, gọi điện với nhiều người khác giới vượt quá giới hạn là một người có gia đình. Ngoài ra chị Tr còn tH trách nhiệm chăm sóc con cái, nói dối ông bà nội và chồng, bỏ bê con cái, trốn con đi chơi, tại nơi làm việc thì gây mất đoàn kết. Dù đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên nhủ, mong cải thiện cuộc

sống gia đình nhưng chị Tr không thay đổi. Hiện tại tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh Th đề nghị Tòa án giải cho anh Th được ly hôn với chị Lý Thị Tr.

Về con chung: Anh Vi Mạnh Th và chị Lý Thị Tr có một đứa con chung tên là Vi Đức H, sinh ngày 25/12/2021. Vợ chồng ly hôn, anh Th đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vi Đức H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Th không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 02/12/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Lý Thị Tr trình bày:* Chị Lý Thị Tr và anh Vi Mạnh Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/05/2021 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang cũ *(Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang)*, Từ khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hoà thuận hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng chị Tr và anh Th phát sinh mâu thuẫn. Lý do là vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay chị Tr cảm thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị Tr đồng ý ly hôn với anh Vi Mạnh Th.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung: Cháu Vi Đức H, sinh ngày 25/12/2021. Sau ly hôn chị Tr đề nghị giao cháu H cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, chị Tr đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng vào ngày mùng 10 hằng tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng chuyển khoản cho chị Tr vào số tài khoản 8208208881997 mang tên Lý Thị Tr mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh H, Hà Giang.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vi Mạnh Th nêu ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với chị Lý Thị Tr, về con chung anh Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vi Đức H, không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lý Thị Tr có mặt tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Về hôn nhân: Nhất trí ly hôn với anh Vi Mạnh Th; về con chung: Đề nghị giao cháu Vi Đức H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H với số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng vào ngày mùng 10 hằng tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng chuyển khoản cho chị Tr vào số tài khoản 8208208881997 mang tên Lý Thị Tr mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh H, Hà Giang; về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Đề nghị Toà án tuyên xử: Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Vi Mạnh Th và chị Lý Thị Tr. Về con chung: Giao cho anh Vi Mạnh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Đức H, sinh ngày 25/12/2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tr có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn anh Vi Mạnh Th và bị đơn chị Lý Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn anh Vi Mạnh Th có đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" với bị đơn chị Lý Thị Tr, chị Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã H, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Mạnh Th và chị Lý Thị Tr đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/5/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang (*Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang*), việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị Tr là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Vi Mạnh Th thấy rằng: Mâu thuẫn của anh chị theo anh Th trình bày do bất đồng quan điểm trong lối sống, bên cạnh đó chị Tr có phát sinh mối quan hệ ngoại tình ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, tại nơi làm việc thì gây mất đoàn kết nên đề nghị được ly hôn với chị Tr. Việc anh Th cho rằng chị Tr có quan hệ ngoại tình, quá trình tố tụng anh Th có cung cấp cho Tòa án tài liệu là ảnh chụp tin nhắn bản photo (*Bút lục: 51- 58*), tại phiên tòa anh Th không cung cấp thêm chứng cứ mới. Qua xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại nơi cư trú, nơi làm việc của chị Tr xác định được chị Tr không có biểu hiện ngoại tình, gây mất đoàn kết nơi làm việc như anh Th trình bày. Còn việc anh chị bất đồng quan điểm trong lối sống, chị Tr có mặt tại phiên tòa cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn không còn tiếng nói chung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Th đề nghị giải quyết ly hôn chị Tr cũng nhất trí. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận về quan hệ hôn nhân của anh Vi Mạnh Th và chị Lý Thị Tr, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Th, chị Tr có 01 (*Một*) con chung là cháu Vi Đức H, sinh ngày 25/12/2021, hiện nay cháu H đang ở cùng với anh Th, chị Tr tại nhà riêng của anh chị. Nguyên đơn anh Vi Mạnh Th có nguyện vọng ly hôn được trực tiếp nuôi cháu H, cùng cháu H về ở tại nhà ông Vi Văn V và bà Lưu Thị S là bố mẹ đẻ anh Th, còn chị Tr có nguyện vọng được nuôi cháu H tại nhà của anh chị hiện tại và có chị gái Chu Thị H1 hỗ trợ chăm sóc cháu. Qua phản ánh của cô giáo chủ nhiệm cháu H thì cháu bắt đầu đi học từ tháng 8/2025 đến nay, việc đưa đón cháu đến trường chủ yếu là do anh Th thực hiện, lâu lâu mẹ cháu và bác gái của cháu H đón. Việc quan tâm hỏi thăm tình hình hằng ngày của cháu ở lớp như thế nào thì bố cháu thường xuyên trao đổi với cô giáo chủ nhiệm, từ trước đến nay nhà trường chưa có buổi ngoại khóa nào đối với lớp dưới 05 (*Năm*) tuổi để bố mẹ tham gia cùng các con. Thời gian nhà trường bắt đầu đón các cháu là từ 07 (*Bảy*) giờ 30 (*Ba mươi*) phút đến 08 (*Tám*) giờ 00 (*Không*) phút buổi sáng, chiều trả về với gia đình từ 16 (*Mười sáu*) giờ 30 (*Ba mươi*) phút đến 17 (*Mười bảy*) giờ 00 (*Không*) phút từ thứ 2 (*Hai*) đến thứ 6 (*Sáu*) hằng tuần. Qua xác minh với bố mẹ đẻ của anh Th, chị gái của chị Tr, nơi công tác của mỗi người, thấy rằng: Sau khi kết hôn anh Th, chị Tr về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Th, cháu H sinh ra, lớn lên tại đó, anh Th, chị Tr cùng bố mẹ đẻ của anh Th hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H ổn định đến năm 2024 anh chị có nhà riêng cùng cháu H ra ngoài ở riêng cho đến nay. Anh Th, chị Tr hiện tại đều có công việc với mức thu nhập đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập cơ bản của cháu H. Xét điều kiện đưa đón cháu H đi học thấy rằng nơi làm việc mà chị Tr đang công tác thực hiện giờ làm việc từ 07 (*Bảy*) giờ 15 (*Mười lăm*) phút, kết thúc lúc 17 (*Mười bảy*) giờ 00 (*Không*) phút, thời gian di chuyển của công chức, viên chức, người lao động từ trung tâm xã H, tỉnh Tuyên Quang đến nơi chị Tr công tác trong điều kiện bình thường trung bình từ 10 (*Mười*) đến 15 (*Mười lăm*) phút, như vậy chị Tr phải có mặt tại nơi làm việc trước khi trường cháu H bắt đầu đón các cháu vào học. Còn anh Th thực hiện công việc theo ca, thời gian làm việc linh hoạt, không cố định, có thể đưa, đón cháu H đi học thường xuyên, đúng giờ như ý kiến phản ánh của cô giáo chủ nhiệm cháu H. Việc anh Th muốn nuôi cháu H và đón cháu về nhà bố mẹ đẻ, theo ý kiến trình bày của ông Vi Văn V, bà Lưu Thị S là bố mẹ đẻ của anh Th hiện nay đều nghỉ hưu, có lương hưu, có sức khỏe và thời gian để nhất trí cùng anh Th chăm sóc cháu H. Đối với chị Tr trường hợp được trực tiếp nuôi con thì có sự hỗ trợ của chị gái là chị Chu Thị H1, tuy nhiên qua xác minh chị H1 còn bận công việc kinh doanh và chăm sóc các con riêng nên việc hỗ trợ mang tính hỗ trợ thêm, không thường xuyên, liên tục. Hội đồng xét xử nhận thấy cả anh Th và chị Tr đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung, việc cháu H ở cùng ai đều không làm thay đổi môi trường học tập hiện tại, nhưng xét thấy anh Th có mối liên hệ chặt chẽ, có sự quan tâm đến con thường xuyên hơn, có điều kiện thực tế thuận lợi hơn trong việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vi Đức H và sự hỗ trợ từ ông, bà nội cháu có thời gian bên cạnh cháu H thường xuyên, liên tục hơn khi anh Th bận công việc nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi

trường sống, giáo dục của cháu H, nên căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, giao cháu Vi Đức H cho anh Vi Mạnh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Lý Thị Tr được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[4] Đối với ý kiến của chị Chu Thị H1 (chị gái bị đơn Lý Thị Tr) cho rằng anh Th đi uống rượu về chửi đánh chị Tr, qua xác minh tại trưởng thôn, hàng xóm và Cơ quan Quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em xã H, tỉnh Tuyên Quang thì không có tài liệu, chứng cứ nào xác định anh Th có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập vợ con hoặc vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu H.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vi Mạnh Th có ý kiến là không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy ý kiến đề nghị của anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay bị lừa dối nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Vi Mạnh Th và chị Lý Thị Tr thuộc trường hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm do đó mỗi bên phải chịu một nửa của 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Vi Mạnh Th và bị đơn chị Lý Thị Tr có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

các điều 51,55, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Vi Mạnh Th và chị Lý Thị Tr.

2. Về con chung: Giao cho anh Vi Mạnh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Đức H, sinh ngày 25/12/2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Vi Mạnh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* anh Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001395 ngày 13/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, trả lại cho anh Th 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chênh lệch.

Bị đơn chị Lý Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Vi Mạnh Th, bị đơn chị Lý Thị Tr có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh